

SỬ DỤNG CÁC PHẦN MỀM CHUYÊN DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH

TS. Nguyễn Xuân Nghĩa *

Tóm tắt

Mặc dù có một khởi đầu dè dặt, nhưng hiện nay việc sử dụng các phần mềm điện toán trong phân tích dữ kiện định tính ngày càng phổ biến. Sau khi đề cập vài nét về quá trình phát triển và sử dụng các loại phần mềm này, bài viết nêu lên các yếu tố giúp quyết định có nên sử dụng các phần mềm này hay không và chọn lựa phần mềm nào cho thích hợp. Tiếp theo, những cơ sở phương pháp luận và những công dụng kỹ thuật của loại phần mềm này là những điểm phân tích quan trọng nhất của bài viết cũng được đề cập đến. Cuối cùng, tác giả bài viết nêu lên những điểm mạnh và hạn chế của việc ứng dụng này.

Nghiên cứu định tính dựa trên những giả định nhận thức luận và phương pháp luận hoàn toàn khác với nghiên cứu định lượng, do đó cũng đòi hỏi những kỹ thuật phân tích riêng biệt, đặc thù (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2010a, 23-34). Loại nghiên cứu này thường dựa trên một khối lượng thông tin lớn và thông thường là bằng văn bản⁽¹⁾. Làm thế nào xử lý khối lượng lớn thông tin này? Vẫn có nhiều nhà nghiên cứu quan niệm phải xử lý dữ kiện định tính một cách thủ công mới đem lại các kết quả « phong phú » (Thompson, 2002). Thế nhưng trong những năm gần đây việc sử dụng các phần mềm trong việc phân tích các dữ kiện nghiên cứu định tính càng phát triển. Đây là dấu hiệu đáng khích lệ. Nhưng cũng có thể là điều không tốt, nếu các công cụ này không được sử dụng cách phù hợp với nhiệm vụ được đề ra, không phù hợp với tính chất của nghiên cứu định tính.

1. Vài nét về việc phát triển và sử dụng các phần mềm chuyên dụng trong nghiên cứu định tính

Các chương trình điện toán phân tích dữ kiện văn bản đã xuất hiện từ những năm 1960, như phần mềm *The General Inquirer*. Nhưng, do các chức năng đơn giản như tìm kiếm, lưu trữ, đếm tần số..., chúng chỉ lôi kéo

được sự ứng dụng trong việc phân tích nội dung định lượng (Muchielli, 1991, Nguyễn Xuân Nghĩa, 2004, 178-201). Từ những năm 1980, xuất hiện các hệ thống cơ sở dữ liệu văn bản được hỗ trợ bởi công nghệ thông tin như Ethnograph, TAP, QUAD, Nudist. Thoạt đầu các phần mềm này còn rất đơn giản và việc xử lý rất nặng nề, nhưng đến nay các phần mềm như ATLAS.ti, MAXQda, Nvivo cho phép ta xử lý linh hoạt hơn, thân thiện với người sử dụng và cho phép thực hiện nhiều chức năng tinh tế hơn. Ở Pháp, các phần mềm phân tích dữ kiện văn bản thường được giới chuyên môn đề cập đến là SPAD.T, Lexico⁽²⁾, Hyperbase, Alceste (Lebart & Salem, 1994, Annexe A). Trong công trình « Thống kê văn bản », Lebart và Salem trình bày các kỹ thuật thống kê - kể cả kỹ thuật thống kê cao cấp - đã được ứng dụng trong phân tích văn bản như thế nào.

Ở thành phố Hồ Chí Minh, Khoa Xã hội học, đại học Mở TP.HCM là một trong các đơn vị đầu tiên sử dụng các phần mềm Ethnograph, Hyperresearch, Nvivo để xử lý các phỏng vấn sâu trong các cuộc nghiên cứu về trẻ em làm trái pháp luật, phụ nữ nhập cư (Nguyễn Xuân Nghĩa, 1999; Thái Thị Ngọc Dư, Nguyễn Xuân Nghĩa và tgc, 2006).

*Phụ trách ngành Xã hội học, Khoa XHH & CTXH - ĐHM - TP.HCM

1 Để hiểu các khái niệm cơ bản của nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính và các giả định lý thuyết và phương pháp luận của chúng xin xem các tài liệu Nguyễn Xuân Nghĩa, 2004, 2010b.

2 Có thể tải miễn phí phần mềm Lexico 3 ở địa chỉ: <http://www.cavi.univ-paris3.fr/lpga/lpga/tal/lexicoWWW/lexico3.htm>

Ngày nay, giới nghiên cứu định tính đã có một trang web chính thức mang tên CAQDAS, (Computer-assisted qualitative data analysis, tạm dịch là phân tích dữ kiện định tính có điện toán hỗ trợ) (<http://caqdas.soc.surrey.ac.uk/>), do đại học Surrey, Anh Quốc chủ trì. Trang web này, giới thiệu các phần mềm, các bài viết mới về CAQDAS. Tuy nhiên, Udo Kelle quan niệm việc sử dụng thuật ngữ CAQDAS có thể dẫn đến sự hiểu lầm rằng các phần mềm phân tích dữ kiện định tính cũng như các phần mềm định lượng giúp thực hiện các phân tích thống kê. Theo ông «*các phần mềm này không phải là công cụ để phân tích, mà dùng hơn để tổ chức và hệ thống các dữ kiện văn bản*» (Kelle, 2002, 277). Thật ra, theo ý kiến chúng tôi, như công trình của Lebart và Salem cho thấy, các phần mềm phân tích định tính đã có sự phát triển vượt bậc, đã sử dụng các thuật toán phức tạp tương đương các phần mềm phân tích định lượng. Và sau khi vượt qua một số trở ngại về mặt phương pháp luận, một số phần mềm đang phát triển theo hướng cập nhật hoá việc phân tích cấu trúc ngữ pháp các văn bản (Bardin, 2007, 29 ; Nguyễn Xuân Nghĩa, 2010c, 13-21).

2. Các yếu tố ảnh hưởng việc chọn lựa và sử dụng các phần mềm chuyên dụng trong nghiên cứu định tính

Đề có thể có chọn lựa tốt nhất – có nên sử dụng phần mềm vi tính chuyên dụng không, và nếu có nên chọn phần mềm nào - cần lưu ý ba điểm sau đây (MacQueen, 2002, 148, Fielding & Lee, 1997, 8-12):

- Các thông tin, dữ kiện phức tạp đến mức độ nào ?
- Việc phân tích phức tạp đến mức độ nào ?
- Có tài nguyên (nhân lực, thời gian, kỹ thuật) để sử dụng các phần mềm này không ?

Khác với dữ kiện định lượng, dữ kiện định tính như những ghi chép điền dã, thông tin từ các cuộc phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm tiêu điểm, hình ảnh, băng video, âm thanh...có nhiều tầng ý nghĩa, nhiều tầng thông tin cần được bóc tách ra trong phân tích. Lượng thông tin càng nhiều, càng phức tạp trong việc tổ chức và xử lý các thông tin này. Do đó phần mềm cần thích hợp với mức độ phức tạp của thông tin.

Mức độ và mục đích đơn giản hay phức tạp của việc phân tích cũng chi phối việc chọn lựa phần mềm. Ulin và các đồng nghiệp phân ra ba mức độ phức tạp của các nghiên cứu định tính (dựa trên phỏng vấn sâu):

a. Nghiên cứu định tính đơn giản có những đặc điểm:

- Có mục đích mô tả, tóm lược vấn đề nghiên cứu chỉ trong 4, 5 chủ đề chính.
- Thông tin thu thập dưới 250 trang, không nhiều hơn 20 cuộc phỏng vấn sâu hoặc 10 cuộc thảo luận nhóm tiêu điểm.
- Chỉ cần một hai chuyên viên phân tích.
- Ít biến số nhân khẩu-xã hội (ví dụ chỉ giới tính, dân tộc).

Trong trường hợp này chỉ cần phần mềm xử lý văn bản với các chức năng sao chép, dán, tìm kiếm... (ví dụ Word).

b. Nghiên cứu phức tạp trung bình:

- Có mục đích giải thích (ví dụ tại sao có một kết quả cụ thể như vậy).
- Thông tin bằng văn bản từ 250 đến 1.000 trang; từ 20 đến 50 phỏng vấn sâu hoặc 10 đến 20 nhóm thảo luận nhóm tiêu điểm.
- Nhóm chuyên viên phân tích từ hai đến bốn người.
- Có nhiều chủ đề cần phân tích.
- Các biến nhân khẩu-xã hội không quá 20.

Trong trường hợp này, cần các phần mềm xử lý dữ kiện định tính chuyên dụng. Và hầu như

các phần mềm hiện nay đều có thể giúp xử lý ở qui mô này.

c. Nghiên cứu định tính phức tạp:

- Có mục đích khoa học lớn như đi đến các khái niệm lớn, mô hình lý thuyết hay kiểm định các giả thiết.
- Thu thập thông tin với những chủ đề đa dạng, được tổ chức trên nhiều thứ bậc.
- Trên 1.000 trang văn bản hay hơn 100 tập tin;
- Các dữ kiện định lượng sẽ được nối kết với các dữ kiện định tính.
- Có sự phối hợp của nhiều chuyên viên phân tích, hay phối hợp các nhóm nhỏ với các nhiệm vụ cụ thể.

Phần mềm chuyên dụng trong trường hợp này phải có khả năng liên kết dữ kiện định lượng và định tính, có khả năng xuất dữ kiện cho các phần mềm khác. Hiện nay có những phần mềm có khả năng này.

Số lượng chuyên viên tham gia phân tích cũng ảnh hưởng việc chọn lựa phần mềm. Nếu số lượng chuyên viên tham gia lớn, cần có tổ chức, theo dõi, phối hợp, huấn luyện. Lấy thí dụ, việc mã hoá các dữ kiện định tính hoàn toàn khác biệt dữ kiện định lượng, đòi hỏi sự trao đổi, đồng bộ giữa những người làm công việc mã hoá này.

3. Cơ sở phương pháp luận và kỹ thuật học của các phần mềm phân tích định tính

Một vấn đề đặt ra là làm thế nào xử lý các dữ kiện định tính, khi số lượng thông tin gia tăng thêm. Ví dụ, một đề tài nghiên cứu cần phỏng vấn sâu 30 đối tượng, mỗi đối tượng trong một buổi làm việc. Thông tin thu thập sẽ lên cả ngàn trang đánh máy, đó là chưa kể các ghi nhận (memos), những giải thích ban đầu của người nghiên cứu. Xử lý một cách khoa học khối lượng thông tin trên không phải là vấn đề dễ dàng.

Trước đây trong các ngành học có tính chú giải, thông diễn (herméneutique) như triết học, sử học, thần học, để có một cái nhìn bao quát với khối lượng lớn các thông tin, người ta đã sử dụng các kỹ thuật như làm chỉ mục (indexes), sổ sách ghi chép (register), sách dẫn các đề mục (concordances), bảng hướng dẫn tham khảo, tham khảo chéo (cross-references). Trong thời gian đầu khai sinh của phương pháp định tính vào những năm 1960, khi còn phải xử lý một cách thủ công, kỹ thuật « cắt và dán » (cut and paste) là một kỹ thuật phổ biến (ngay ở Việt Nam hiện nay, khi phải trình bày kết quả các thảo luận nhóm, động não... kỹ thuật « cắt và dán » này vẫn phổ biến). Tuy nhiên phải ghi nhớ một nguyên tắc của thông diễn học, các trích đoạn văn bản chỉ thật sự có ý nghĩa đầy đủ trong bối cảnh của chúng.

Các phần mềm định tính đã theo nhưng nguyên tắc kỹ thuật nói trên. Đặc biệt việc phát triển các hệ thống cơ sở dữ liệu văn bản không có format bắt buộc (format-free text database systems), đã cho phép lưu trữ các địa chỉ của các đoạn văn bản với các mã, là yêu cầu căn bản của nghiên cứu định tính.

Ngoài ra, nhiều phần mềm có thêm các chức năng hỗ trợ đa dạng như: a) cho phép làm bảng hướng dẫn tham khảo, tham khảo chéo (siêu liên kết); b) cho phép lưu trữ và quản lý các chú thích, các ghi nhớ; cho phép xây dựng « mạng lưới các mã » (network of coding categories); c) cho phép xác định biến, gán cho cho một văn bản cụ thể; d) cho phép tìm mối quan hệ giữa các đoạn văn bản, và e) cho phép các tính toán thống kê.

Phức tạp hơn, phần mềm Alceste dựa trên phương pháp phân loại thứ bậc từ trên xuống (Classification Descendante Hiérarchique), được tiến hành bằng cách liên tục phân chia văn bản, dựa trên từ vựng. Phương pháp này nhận

diện ra các đối lập mạnh nhất giữa các từ của văn bản và sau đó làm bật ra các phân nhóm đại diện (Reinert, 1990). Phương pháp luận này không đòi hỏi hiểu biết trước nào về văn bản được phân tích. Phần mềm này cho phép thực hiện các phương pháp phân tích dữ liệu đa biến như phân tích nhân tố (analyse factorielle), phân tích biệt số (analyse discriminante), phân tích cụm hay phân tích phân loại (analyse classificatoire, typologie) (Lebart và Salem, 1994, 135-282).

4. Một số công dụng kỹ thuật của phân tích định tính với sự hỗ trợ của phần mềm vi tính

Theo một quan điểm, như quan điểm của Udo Kelle vừa nêu ở trên, phân tích định tính với sự hỗ trợ của vi tính không phải là một phương pháp phân tích độc lập, nhưng đúng hơn bao gồm một số kỹ thuật tổ chức dữ kiện mà việc sử dụng những kỹ thuật này tùy thuộc một vấn đề nghiên cứu cụ thể, mục đích nghiên cứu và định hướng phương pháp luận của người nghiên cứu.

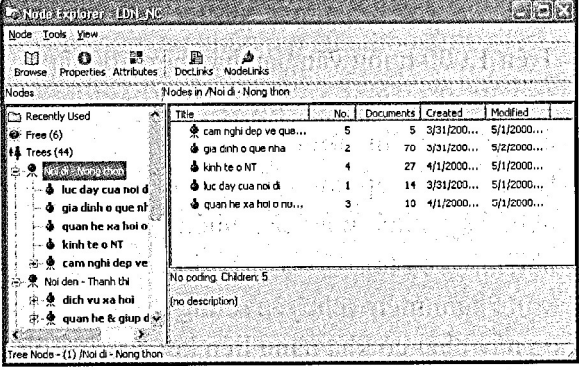
Sử dụng các chương trình phần mềm thích hợp có thể giúp ích trong những công việc sau đây:

4.1 Trong việc phân tích những điểm giống nhau, khác biệt và tương quan giữa các đoạn của văn bản

Phân tích đối chiếu văn bản sử dụng các bản, tóm tắt (synopses, là kỹ thuật xác định vị trí các văn bản có liên quan đến cùng một chủ đề, được gom lại và phân tích đối chiếu). Đây là kỹ thuật đã được sử dụng từ lâu trong việc chú giải Kinh thánh. Trong nghiên cứu định tính, hai nhà xã hội học Glaser và Strauss đã đề cập đến kỹ thuật này (1967, 101-116), nhằm đối chiếu các đoạn văn bản nhằm tìm ra các khuôn mẫu căn bản. Điều này đòi hỏi các thông tin

trước đó phải được mã hoá, có nghĩa là được gán cho một loại mục (category) nhất định, làm bảng chỉ dẫn (indexing) (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2004, 252-253) (xem minh hoạ mã hoá bằng phần mềm, Hình 1)

Hình 1: Thí dụ về mã hoá, ứng dụng phần mềm NVivo



The screenshot shows the NVivo software interface. On the left, there is a tree structure of nodes under 'Nodes in /Nơi đi - Nơi đến'. The main area displays a table of documents with columns: Title, No., Documents, Created, and Modified.

Title	No.	Documents	Created	Modified
cam nghi dep ve que...	5	5	3/31/2000...	5/1/2000...
gia dinh o que nha	2	70	3/31/2000...	5/2/2000...
kinh te o NT	4	27	4/1/2000...	5/1/2000...
luc day cua noi di	1	14	3/31/2000...	5/1/2000...
quan he xa hoi o nu...	3	10	4/1/2000...	5/1/2000...

Nguồn: Nguyễn Xuân Nghĩa, 2004, tr. 254.

Hầu như tất cả phần mềm đều có các chức năng mã hoá và truy xuất (retrieval) này. Chức năng truy xuất chọn lọc (selective retrieval), với bộ lọc (filters) cho phép tìm những đoạn văn bản chỉ liên quan đến một số đối tượng nhất định (ví dụ những đoạn trả lời phỏng vấn của phụ nữ nhập cư miền Bắc về cảm nhận của họ khi nghĩ về nơi xuất cư). Chức năng siêu liên kết (hyperlink) của một số phần mềm cho phép liên kết với những lần mã hoá trước, với các tập tin (hình ảnh, âm thanh...) của những chương trình khác.

4.2 Phát triển các phân loại, đi đến các khái niệm mới

Việc so sánh những đoạn văn bản là cơ sở bước đầu cho việc hình thành các phân loại (typologies) và xây dựng lý thuyết, trong đó khung các loại mục giữ vai trò rất quan trọng. Tuy nhiên khung các loại mục không nên gò bó, giới hạn các quan sát có thể có. Hai loại hình loại mục mã hoá giúp thực hiện điều này là:

- Các khái niệm lý thuyết trừu tượng, hay theo thuật ngữ của Glaser là « mã hoá lý thuyết » ví như các khái niệm: vai trò, vị trí, tương quan, chiến lược...

- Các khái niệm xuất phát từ thế giới hàng ngày như, trường học, nghề nghiệp, công việc... ví như những từ được chính người được phỏng vấn sử dụng.

Việc phân tích các đoạn văn bản phối hợp cả các thuật ngữ trừu tượng và các loại mục mã hoá hàng ngày có thể cho ta nội dung quan sát phong phú. Hãy xem xét ví dụ về nghiên cứu điều kiện sống và làm việc của phụ nữ nhập cư, ta sử dụng ba khái niệm lý thuyết để tìm hiểu quá trình quyết định của họ là mong ước, thực hiện, chiến lược quân bình (liên quan đến việc đánh giá tương quan giữa mục tiêu hành động và điều kiện hành động). Phối hợp ba khái niệm trên với những khía cạnh cụ thể của đời sống, ta có một khung loại mục như sau:

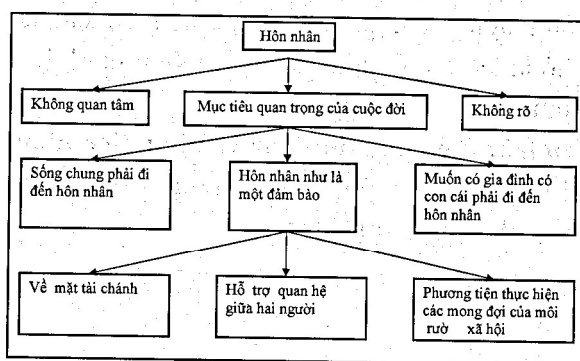
- 1 Nghề nghiệp: 1.1 Ước mơ về nghề nghiệp
1.2 Thực hiện nghề nghiệp
1.3 Chiến lược quân bình để thực hiện ước mơ nghề nghiệp
2. Chỗ ở: 2.1 Ước mơ về chỗ ở
2.2 Hiện trạng chỗ ở
2.3 Chiến lược nhằm thực hiện...

Việc phân tích đối chiếu các đoạn văn bản có thể cho ta nhận ra nhiều khía cạnh (dimensions) của vấn đề nghiên cứu, giúp việc đưa ra các loại hình. Một thí dụ khác: « Tìm hiểu quan điểm của thanh niên về tương quan giữa gia đình và hôn nhân », bằng phỏng vấn sâu. Bằng mã hoá và truy xuất có chọn lọc, ta có thể hình thành mô hình ba cấp độ sau: 1) Quan điểm về hôn nhân: a) không quan tâm, b) hôn nhân là một mục tiêu quan trọng của cuộc đời b) quan điểm không rõ ràng; 2) hôn nhân là một mục tiêu quan trọng của cuộc đời: a) sống chung phải đi đến hôn nhân, b) hôn nhân như

là một đảm bảo, c) muốn có gia đình có con cái phải đi đến hôn nhân; 3) hôn nhân như là một đảm bảo: a) về mặt tài chánh, b) hôn nhân hỗ trợ quan hệ giữa hai người, c) hôn nhân như là phương tiện thực hiện các mong đợi của môi trường xã hội (Kelle, 2002, 281)(xem hình 2).

Với thí dụ trên, việc đối chiếu các đoạn văn bản cho ta phân biệt một cơ cấu với ba cấp độ khi mã hoá. Trong thuật ngữ công nghệ thông tin, tùy theo các phần mềm cụ thể, người ta gọi đó là mô hình đồ thị (graphical model) hay mạng lưới (network), nó biểu diễn tương quan giữa các loại mục được mã hoá hoặc làm bật lên các loại hình.

Hình 2: Mô hình ba cấp độ của mã



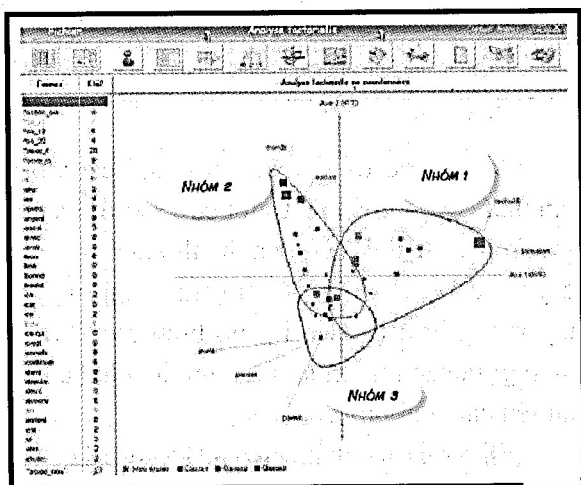
Với ví dụ trên, việc đối chiếu các đoạn văn bản cho ta phân biệt một cơ cấu với ba cấp độ. Trong thuật ngữ công nghệ thông tin, người ta gọi đó là mô hình đồ thị (graphical model) hay mạng lưới (network), nó biểu diễn tương quan giữa các loại mục được mã hoá hoặc làm bật lên các loại hình.

Đi xa hơn, phần mềm Alceste (đại học Toulouse Le Mirail, Pháp) cho phép thực hiện các phân tích đa biến, như phân tích nhân tố, phân tích cụm...

Lấy thí dụ, với một phỏng vấn sâu được thực hiện ở 61 thanh niên nam nữ ở Toulouse với câu hỏi mở: « Các em có dự định gì trong tương lai trên các mặt nghề nghiệp, gia đình

hay trên các mặt khác ? ». Phần mềm Alceste đã phân tích tự động (dựa trên đơn vị là các từ sử dụng) và đưa ra phân loại 3 nhóm thanh niên: Nhóm 1 chiếm 25% tổng số thanh niên, nhóm này dự định tiếp tục học cả về văn hoá và nghề nghiệp (với sự xuất hiện của các từ như: học, đào tạo, kỹ thuật, tiếp tục, tú tài, năm, thi...). Nhóm này có đặc điểm là nam và có tham gia các đoàn thể xã hội. Nhóm 2 chiếm 25%, và trong ngôn ngữ của nhóm này đặc biệt xuất hiện các từ: đẹp (nhà đẹp, vợ đẹp...), nhà, vợ, xe... (nam giới, không tham gia các đoàn thể xã hội). Nhóm 3 chiếm 55%, chủ yếu là nữ giới, các từ sau đặc biệt xuất hiện với tần số cao trong ngôn ngữ của các em: dự định, cuộc sống, nghề nghiệp, nghề, trẻ, thực hiện, chồng, khó khăn, quyết định, nhằm... (Xem minh hoạ hình 3).

Hình 3: Biểu đồ minh hoạ về phân tích nhân tố và phân tích cụm, về ba nhóm thanh niên trên chương trình Alceste



Nguồn: Phòng theo Fiche technique, Alceste, 2006.

4.3 Kiểm định giả thiết và lồng ghép các kỹ thuật định lượng

Các phần mềm định tính còn có thể giúp kiểm định các giả thiết. Khi các dữ kiện thô đã được mã hoá một cách thích hợp, các chức năng

phần mềm có thể dễ dàng giúp ta tìm những dữ kiện văn bản cần thiết để kiểm định giả thiết cụ thể. Lấy thí dụ trong một nghiên cứu định tính được thực hiện bằng phỏng vấn sâu, ta có giả thiết: giới tính chi phối định hướng về nghề nghiệp và về gia đình. Ta chỉ việc tách các phỏng vấn theo giới tính và tìm các đoạn văn bản được mã hoá «định hướng nghề nghiệp», «định hướng về gia đình».

Các phần mềm hiện nay cho phép ta tìm các « mã cùng xảy ra » (co- occurring codings). Lấy thí dụ trong nghiên cứu về phụ nữ nhập cư, ta tìm « mã cùng xảy ra » giữa mã « xdtly » (xúc động tâm lý) và mã « nvnxcu » (nghĩ về nơi xuất cư). Ở người được phỏng vấn « pnnc1 » (« phụ nữ nhập cư ký hiệu 1 »), 2 mã này cùng xuất hiện một lần, ở « pnnc6 », xuất hiện 4 lần...

Tuy nhiên trong việc sử dụng kỹ thuật « mã cùng xảy ra », phải hết sức cẩn thận, bởi lẽ kỹ thuật này trong nghiên cứu định tính được dùng trong những tình huống khác nhau: a) có thể được sử dụng để chỉ vị trí của mã trong phần văn bản, theo nguyên tắc của thông diễn học là đặt sự kiện trong bối cảnh để thông hiểu; b) có thể được sử dụng như là chứng cứ về mối tương quan giữa các mã. Nhưng trong trường hợp sau này mã phải được định nghĩa một cách rõ ràng (như là các biến, các giá trị của biến trong nghiên cứu định lượng) và tính đáng tin cậy (reliability) của việc lập mã phải được kiểm soát bằng cách sử dụng những người mã hoá độc lập. Phải thừa nhận, trong việc mã hoá trong nghiên cứu định tính, các yêu cầu trên thường khó được đáp ứng, bởi lẽ việc mã hoá trong nghiên cứu định tính thường có *chức năng chỉ mục* (indexical function) – mã cho thấy thông tin về một sự kiện nào đó nằm ở đâu trong văn bản – chứ ít có *chức năng biểu trưng* (representational function) – mã biểu trưng cho một sự kiện cụ thể. Thông thường, việc sử dụng

kỹ thuật «mã cùng xảy ra» trong nghiên cứu định tính có mục đích thông diễn học hơn là kiểm định giả thiết trong ý nghĩa truyền thống của nó.

Có một số phần mềm định tính (như MAXqda), ngoài các chức năng thông dụng như mã hoá, truy xuất, còn cho phép mã hoá các biến, giá trị của biến, theo nguyên tắc của nghiên cứu định lượng. Trong trường hợp này các ma trận biến có thể xử lý bằng các phần mềm thống kê chuyên dụng như SPSS, Stata...

Tóm lại, phải hết sức cẩn thận khi chuyển từ một mã chỉ mục sang một mã biểu trưng. Đồng thời cũng nhớ rằng mục đích nguyên thủy của việc mã hoá trong nghiên cứu định tính không nhằm đi đến việc sản xuất ra các ma trận định lượng mà chủ yếu nhằm tập hợp một cách thích đáng các thông tin có liên quan đến một sự kiện nhất định. Lưu ý này không áp dụng với những phần mềm phân tích định tính sử dụng các thuật toán tương tự phân tích định lượng - thường là các phần mềm đo lường từ vựng (lexicométrie), như các phần mềm Lexico, Alceste mà ta phần nào đã giới thiệu ở trên.

5. Điểm mạnh và hạn chế của phần mềm phân tích định tính chuyên dụng

Từ khi việc phát triển các chương trình điện toán nhằm hỗ trợ phân tích dữ kiện định tính bắt đầu, đã có nhiều tranh luận về lợi ích cũng như nguy cơ về mặt phương pháp luận của việc ứng dụng này. Một số tác giả lạc quan như Conrad, Reinartz hoặc Richards, nhưng cũng có các tác giả đòi hỏi phải cẩn thận hơn như Agar, Coffey, Seidel và Kelle.

Dĩ nhiên, các phần mềm này có ưu điểm trong việc tổ chức các dữ kiện, cho phép tiếp cận một lượng lớn các dữ kiện, cho phép chọn mẫu nghiên cứu lớn hơn. Tuy nhiên phải lưu ý trong nghiên cứu định tính qui mô của mẫu

không phải là tiêu chí chính mà là tính đa dạng của mẫu (những trường hợp đối cực). Tiếp đến, đặc biệt trong nghiên cứu định tính, người nghiên cứu dễ bị tràn ngập khi lượng dữ kiện quá lớn và việc mã hoá dữ kiện khó hơn, đòi hỏi nhiều thời gian, nhân lực có kỹ năng hơn.

Các phần mềm đòi hỏi hệ thống hoá các kỹ thuật nghiên cứu do đó gia tăng tính minh bạch của nghiên cứu, đòi hỏi những nguyên tắc rõ ràng (Thompson, 2002).

Theo Fielding và Lee, nhờ các phần mềm phân tích dữ kiện định tính, nhà nghiên cứu thoát khỏi những công việc kỹ thuật nặng nhọc để dành thời gian đi tìm tương quan giữa các dữ kiện, có không gian rộng hơn cho việc phân tách sáng tạo (Fielding và Lee, 1998, p. 59-68).

Nhưng mặt khác, người ta đã phê bình, những giả định phương pháp luận làm cơ sở phân tích của các phần mềm này – ví dụ, thông thường các phần mềm này chỉ mã hoá từng câu, có phần mềm khác chỉ dựa trên từ vựng - vô hình trung ảnh hưởng đến quá trình, chiến lược phân tích và không phù hợp với những định hướng lý thuyết và phương pháp luận của người nghiên cứu. Một số tác giả khác phê phán các phần mềm này không quan tâm đến tính đa dạng của các lối tiếp cận (như lối tiếp cận thông diễn học (hermeneutics), hay phân tích diễn ngôn (discourse analysis) mà chỉ dựa trên lý thuyết đặt cơ sở trên dữ kiện thực địa (grounded theory) của Glaser và Strauss (1967). Nhưng đây là vấn đề còn gây tranh luận, Fielding và Lee cho thấy hai phần ba những nghiên cứu định tính có sử dụng phần mềm chuyên dụng không có liên quan đến lý thuyết của Glaser và Strauss và cho thấy sự e dè các phần mềm này có thể tự phát triển sự vận hành của chính chúng, đi ngược lại ý định phương pháp luận của nhà nghiên cứu là không có cơ sở, bởi lẽ nhà nghiên cứu thường tránh việc chỉ sử dụng một phần mềm duy nhất

mà phối hợp nhiều phương cách để thực hiện định hướng phương pháp luận của mình.

Một phê bình khác, việc sử dụng các phần mềm này làm lạc hướng việc giải thích văn bản mà chỉ chú trọng đến việc mã hoá. Trong thực tế, có những nghiên cứu quá chú trọng việc mã hoá và đưa đến những kết quả giả tạo, hình thức, đặc biệt khi người nghiên cứu không nắm vững sự khác biệt giữa chức năng chỉ mục và chức năng biểu trưng của các mã đã được đề cập ở đoạn trên.

Thực ra, cũng như trong các phần mềm phân tích định lượng – với các kỹ thuật tương tác rất dễ sử dụng, nhưng nếu người sử dụng không có những kiến thức toán học cơ bản, vẫn có thể đưa đến những giải thích sai lệch. Cũng vậy, trong nghiên cứu định tính, nếu có kiến thức về phương pháp luận, việc sử dụng các phần mềm phân tích định tính mở ra nhiều khả năng giải thích dữ kiện xác đáng hơn, hệ thống hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bardin L. (2007), *L'analyse de contenu*. Paris: PUF, Quadrige.
2. Fielding N. G & Lee R. L. (1998), *Computer analysis and qualitative research*. London: Sage.
3. Fielding N. G & Lee R. L. (1997), "Applications of computer software in the sociological analysis of qualitative data", *Bulletin of sociological methodology*, n° 57.
4. MacQueen K. (2002), «What to look for in software for qualitative data analysis», trong Ulin P. et al. 2002. *Qualitative methods - a field guide for applied research in sexual and reproductive health*. USA: Family health International.
5. Mucchielli R. (1991), *L'analyse de contenu des documents et des communications*, 7è éd., Paris: ESF.
6. Nguyễn Xuân Nghĩa, (2010a), «Một số vấn đề nhận thức luận, phương pháp luận và đóng góp của nghiên cứu định tính», *Tạp Chí Khoa Học Xã hội*, số 3 (139).
7. Nguyễn Xuân Nghĩa, [2004] (2010b), *Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội*. TP HCM: Nxb Trẻ; Nxb Phương Đông.
8. Nguyễn Xuân Nghĩa, (2010c), «Giới thiệu phương pháp phân tích cấu trúc các dữ kiện định tính», *Tạp Chí Khoa Học Xã hội*, số 5 (141).
9. Nguyễn Xuân Nghĩa, (2006), «Vài suy nghĩ về khuynh hướng và những giả định trong các loại hình nghiên cứu xã hội», *Tạp chí Khoa Học Xã hội*, số 10.
10. Reinert M. (1990), *Système ALCESTE: une méthodologie d'analyse des données textuelles présentée à l'aide d'une présentation*. Barcelone: JADT.
11. Richards Lyn. (1999) *Using Nvivo in qualitative research*. London: Sage.
12. Thai Thi Ngoc Du, Nguyen Xuan Nghia, Nguyen Thi Thu Ha, Nguyen Thi Nhan, Maryanne Loughry, 2006, *Female rural migrant workers in the informal sector in Ho Chi Minh City, Viet Nam*, Working Paper 16, Gender Relations Center, RSPA, Australian National University, 2006.
13. Thompson R. (2002), "Reporting the results of computer-assisted analysis of qualitative research data", *Forum Qualitative Research*, vol. 3, no 2.
14. Trang web của CAQDAS (Computer-assisted qualitative data analysis, Phân tích dữ kiện định tính có điện toán hỗ trợ): <http://caqdas.soc.surrey.ac.uk/>.
15. Trang web phần mềm Lexico 3, có thể tải từ: <http://www.cavi.univ-paris3.fr/ilpga/ilpga/tal/lexicoWWW/lexico3.htm>.